

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

TÊN CHƯƠNG TRÌNH : TÂM LÝ HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO : TÂM LÝ HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO : 52 31 04 01
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO : CHÍNH QUY

TP. HCM -2016

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : **Tâm lý học**

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : **Tâm lý học**

Psychology

Loại hình đào tạo : Chính quy

(Ban hành kèm theo quyết định số 2047/QĐ-ĐHSP, ngày 05 tháng 09 năm 2016

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh)

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân Tâm lý học có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của chuyên viên tâm lý để làm việc tại các viện nghiên cứu, các trung tâm, các cơ quan, đoàn thể xã hội, cơ quan truyền thông, doanh nghiệp, bệnh viện... Ngoài ra, người học sau khi tốt nghiệp có thể học tiếp ở các bậc học cao hơn trong cùng lĩnh vực khoa học.

1.2. Chuẩn đầu ra:

1.2.1. Phẩm chất

1.2.1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

– Hiểu và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

– Có tinh thần trách nhiệm đối với Tổ quốc, tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

1.2.1.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

– Hiểu rõ vai trò, giá trị của nghề nghiệp đối với xã hội.

– Thể hiện thái độ, hành vi tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp.

– Có lòng yêu nghề và thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

1.2.2. Năng lực chung

1.2.2.1. Năng lực tự học

- Có khả năng tự ý thức và định hướng phát triển bản thân.
- Có khả năng tổ chức và đánh giá kết quả hoạt động tự học.

1.2.2.2. Năng lực giao tiếp

– Có khả năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hàng ngày và trong hoạt động chuyên môn.

– Có khả năng sử dụng hiệu quả các phương tiện giao tiếp bằng nhiều phương thức khác nhau.

1.2.2.3. Năng lực tư duy phản biện, sáng tạo và giải quyết vấn đề

- Có khả năng phân tích, đánh giá thông tin và các ý tưởng.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, sáng tạo.

1.2.2.4. Năng lực hợp tác

- Có khả năng làm việc nhóm, thành lập và quản lý nhóm.
- Có khả năng dung hòa sự khác biệt và tìm sự thống nhất qua thảo luận, tranh luận.

1.2.2.5. Năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin

– Có kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

– Có kiến thức và kỹ năng tin học đạt trình độ A.

1.2.3. Năng lực chuyên môn

1.2.3.1. Hiểu và vận dụng khối kiến thức cơ sở của Tâm lý học để tiếp cận khoa học tâm lý và các hiện tượng tâm lý con người.

– Hiểu và vận dụng kiến thức Tâm lý học để mô tả, nhận diện, phân tích và ứng dụng - thực hành các hiện tượng tâm lý và các quy luật tâm lý cơ bản của con người (về nhận thức, tình cảm - ý chí, nhân cách...).

– Hiểu và vận dụng kiến thức thuộc các lĩnh vực của Tâm lý học ứng dụng, tâm lý học phát triển, tâm lý học sư phạm để phục vụ công việc một cách hiệu quả.

– Hiểu và vận dụng một số trắc nghiệm tâm lý cơ bản để tìm hiểu các hiện tượng tâm lý ở người.

1.2.3.2. Hiểu và vận dụng khối kiến thức tự chọn của chuyên ngành sâu để phục vụ hoạt động nghề nghiệp theo một trong các định hướng sau:

a. Nghiên cứu tâm lý học

– Hiểu và vận dụng các phương pháp nghiên cứu Tâm lý học để nghiên cứu và ứng dụng - thực hành trong các lĩnh vực nghề nghiệp có liên quan.

– Hiểu và vận dụng một số công cụ đo lường và chẩn đoán tâm lý cơ bản để đo lường và chẩn đoán tâm lý người.

b. Tham vấn tâm lý

– Hiểu và vận dụng những kỹ năng tham vấn tâm lý cơ bản để thực hành ứng dụng trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

– Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về tâm bệnh học, bước đầu biết nhận diện và phân tích những rối nhiễu tâm lí của thân chủ ở mức độ cơ bản.

– Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về tâm lý học trị liệu, bước đầu biết xác lập mục tiêu và kế hoạch trị liệu cho thân chủ ở mức độ cơ bản.

– Hiểu và vận dụng kiến thức, kỹ năng tham vấn tâm lý để kết nối các cơ sở dịch vụ, các nguồn lực phục vụ cho thân chủ và công việc một cách toàn diện.

c. Ứng dụng Tâm lý học (trong đào tạo/truyền thông/tổ chức - nhân sự/trong doanh nghiệp/các cơ quan/xí nghiệp/bệnh viện/...)

– Hiểu và vận dụng các hiện tượng tâm lý, các quy luật tâm lý con người vào vận hành, tổ chức và sử dụng lao động một cách hợp lý.

– Hiểu và vận dụng kiến thức của các học phần thuộc Tâm lý học ứng dụng vào các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp tương ứng.

1.2.3.3. Hiểu và vận dụng lý luận vào thực tiễn, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp theo định hướng chuyên ngành tự chọn.

1.2.3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học

– Biết phát hiện vấn đề nghiên cứu và vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết vấn đề.

– Biết thu thập, xử lý thông tin; biết phân tích, diễn giải kết quả nghiên cứu.

– Biết viết đề cương nghiên cứu, viết báo cáo hay tiểu luận khoa học.

1.2.4. Năng lực nghề nghiệp

1.2.4.1. Năng lực hiểu nghề nghiệp

– Hiểu được đặc trưng nghề nghiệp, những phẩm chất và năng lực cần thiết đối với người làm việc trong nghề.

– Hiểu được ảnh hưởng của bối cảnh toàn cầu, khu vực, đất nước và địa phương đối với lĩnh vực nghề nghiệp: cơ hội và thách thức.

– Có khả năng xác định nhu cầu xã hội đối với lĩnh vực nghề nghiệp, biết cập nhật thông tin và dự báo được xu thế phát triển của nghề nghiệp.

1.2.4.2. Năng lực thực hiện hoạt động nghề nghiệp

– Có khả năng tiếp cận, sử dụng hiệu quả những thiết bị, phương tiện kỹ thuật mới phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.

– Có khả năng làm việc độc lập, thích nghi với những điều kiện, môi trường khác nhau và với sự phát triển của lĩnh vực nghề nghiệp.

– Có khả năng thực hiện các hoạt động nghề nghiệp đặc thù:

Tùy vào định hướng nghề, sinh viên cần đáp ứng một trong các năng lực nghề nghiệp đặc thù sau:

a. Nghiên cứu Tâm lý học

Có khả năng tổ chức các hoạt động nghiên cứu Tâm lý học và vận dụng vào thực tiễn.

b. Tham vấn tâm lý

Có khả năng tham vấn tâm lý cho người học các cấp và cho các đối tượng khác nhau trong xã hội.

c. Ứng dụng Tâm lý học

Có khả năng ứng dụng kiến thức tâm lý học vào các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp tương ứng: tổ chức, nhân sự/ đào tạo/truyền thông/ tiếp thị/ du lịch...

1.3. Thời gian đào tạo: 4 năm

1.4. Tổng số tín chỉ toàn khóa:

Tổng số tín chỉ cho toàn khóa học là **130** tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc, học phần tự chọn (chưa kể các nội dung về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng) và tự chọn tự do

1.5. Đối tượng tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tự chủ tuyển sinh hàng năm của Trường.

1.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Theo Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2045/QĐ-ĐHSP, ngày 05/9/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

1.7. Thang điểm:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

2. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Môn học	Số TC	HP tiên quyết	HP học trước
1.	HỌC PHẦN CHUNG		25		
1	POLI1001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	5	Không	Không
2	POLI1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		POLI1001
3	POLI1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3		POLI1003
4	POLI1903	Pháp luật đại cương	2		POLI1001
5		Ngoại ngữ HP 1	4*	Trình độ ngoại ngữ bậc 2/6	
6		Ngoại ngữ HP 2	3*		NN HP 1
7		Ngoại ngữ HP 3	3*		NN HP 2
8	TTTH1001	Tin học căn bản	3*	Không	Không
9	PHYL2401	Giáo dục thể chất 1	1**	Không	Không
10		Giáo dục thể chất 2	1**		PHYL2401
11		Giáo dục thể chất 3	1**		GDTC 2
12	MILI1103	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	3**	Không	Không
13	MILI1102	Công tác quốc phòng, an ninh	2**	Không	Không
14	MILI1101	Đường lối quân sự của Đảng	3**		POLI1002
2.	HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN				
2.1	Cơ sở ngành		10		
15	PSYC1005	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		POLI1001
16	PSYC1401	Nhập môn Tâm lý học	2	Không	Không
17	PSYC1407	Sinh lý học hoạt động thần kinh	2	Không	Không
18	PSYC1409	Logic học đại cương	2	Không	Không
19	PSYC1410	Xã hội học đại cương	2	Không	Không
2.2	Chuyên ngành				
Các học phần bắt buộc			47		
20	PSYC1011	Tâm lý học nhận thức	2		PSYC1401
21	PSYC1012	Tâm lý học nhân cách	2		PSYC1401
22	PSYC1013	Tâm lý học giao tiếp	2		PSYC1401
23	PSYC1018	Tâm lý học xã hội	2		PSYC1410

TT	Mã học phần	Môn học	Số TC	HP tiên quyết	HP học trước
24	PSYC1219	Tâm lý học sáng tạo	3		PSYC1401
25	PSYC1230	Tâm lý học lao động	3		PSYC1018
26	PSYC1031	Tâm lý học quản lý	2		PSYC1012
27	PSYC1033	Tâm lý học tình cảm - ý chí	2		PSYC1401
28	PSYC1035	Tâm lý học giới tính	2	Không	Không
29	PSYC1036	Tâm lý học gia đình	2	Không	Không
30	PSYC1088	Tâm lý học trí tuệ	2		PSYC1011
31	PSYC1096	Đại cương về Tâm lý học phát triển	2		PSYC1401
32	PSYC1097	Tâm lý học phát triển 1	3		PSYC1096
33	PSYC1098	Tâm lý học phát triển 2	3		PSYC1097
34	PSYC1015	Lịch sử Tâm lý học	2		PSYC1401
35	PSYC1020	Trắc nghiệm tâm lý	2		PSYC1008
36	PSYC1083	Tâm lý học pháp lý	2		PSYC1401
37	PSYC1105	Tâm lý học tham vấn	3		PSYC1097
38	PSYC1431	Tâm bệnh học	2		PSYC1097
39	PSYC1433	Tâm lý học dạy học	2		PSYC1011
40	PSYC1436	Tâm lý học giáo dục đạo đức	2		PSYC1012
Các học phần tự chọn (chọn 12 tín chỉ)			12/61		
41	PSYC1437	Tâm lý học chẩn đoán	2		PSYC1097
42	PSYC1108	Tâm lý học tôn giáo	2		PSYC1401
43	PSYC1443	Tâm lý học tội phạm	2		PSYC1401
44	PSYC1121	Tâm lý học khách hàng	2		PSYC1401
45	PSYC1122	Tâm lý học đám đông	2		PSYC1401
46	PSYC1107	Tâm lý học hành vi lệch chuẩn	2		PSYC1401
47	PSYC1423	Kỹ năng tham vấn tâm lý cơ bản	3		PSYC1105
48	PSYC1445	Tâm lý học trị liệu	3		PSYC1105
49	PSYC1412	Giáo dục học đại cương	2	Không	Không
50	PSYC1464	Phương pháp giảng dạy Tâm lý học	3		PSYC1401
51	PSYC1047	Giáo dục kỹ năng sống	2		PSYC1057
52	PSYC1057	Hoạt động nhóm và kỹ năng truyền thông	2	Không	Không
53	PSYC1118	Tâm lý học tuyên truyền	2		PSYC1013
54	PSYC1119	Tâm lý học quảng cáo	2		PSYC1401
55	PSYC1460	Tâm lý học dân tộc	2		PSYC1012
56	PSYC1044	Tâm lý học du lịch	2		PSYC1401
57	PSYC1109	Tâm lý học thể dục thể thao	2		PSYC1401
58	PSYC1466	Quản trị nguồn nhân lực	2	Không	Không
59	PSYC1112	Tâm lý học tổ chức	2		PSYC1466
60	PSYC1113	Tâm lý học nhân sự	2		PSYC1466
61	PSYC1034	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2		PSYC1031
62	PSYC1472	Tâm lý học tiếp thị (marketing)	2		PSYC1034

TT	Mã học phần	Môn học	Số TC	HP tiên quyết	HP học trước
63	PSYC1115	Tâm lý học đào tạo trong doanh nghiệp	2		PSYC1433
64	PSYC1116	Tâm lý học tư vấn trong doanh nghiệp	2		PSYC1105
65	PSYC1124	Hoạt động chăm sóc tinh thần cho người lao động	2		PSYC1230
66	PSYC1120	Tâm lý học nghệ thuật	2		PSYC1401
67	PSYC1123	Trò chơi và sinh hoạt tập thể	2	Không	Không
68	PSYC1126	Giới và phát triển	2	Không	Không
69	PSYC1476	Tâm lý y học	2		PSYC1401
3. HỌC PHẦN NGHỀ NGHIỆP			26		
3.1. Các học phần bắt buộc					
3.1.1. Học phần nghề nghiệp chuyên ngành			12		
70	PSYC1487	Nhập môn nghề nghiệp	2	Không	Không
71	PSYC1110	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong nghiên cứu Tâm lý học	2		PSYC1008
72	PSYC1125	Kỹ năng giao tiếp - ứng xử	2	Không	Không
73	PSYC1043	Phương pháp luận Tâm lý học	2		PSYC1005
74	PSYC1480	Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học	2		PSYC1043
75	PSYC1008	Thống kê trong KHXH	2	Không	Không
3.1.2. Thực hành nghề nghiệp			10		
76	PSYC1481	Thực hành nghề nghiệp	2	PSYC1401	
77	PSYC1482	Thực tập nghề nghiệp 1	2	Theo quy chế thực tập của Trường	
78	PSYC1483	Thực tập nghề nghiệp 2	6	Theo quy chế thực tập của Trường	PSYC1482
3.2. Các học phần tự chọn			4		
79	PSYC1493	Kỹ năng quản lý thời gian và giải quyết vấn đề	2	Không	Không
80	PSYC1494	Kỹ năng quản lý cảm xúc và giải quyết mâu thuẫn hiệu quả	2	Không	Không
81	PSYC1495	Kỹ năng tư duy sáng tạo	2	Không	Không
4. KHÓA LUẬN, TIỂU LUẬN NGHIÊN CỨU HOẶC HỌC PHẦN THAY THẾ			6		
Sinh viên chọn 1 trong các hình thức sau:					
82	PSYC1132	- <u>Lựa chọn 1</u> : Thực hiện 1 khóa luận	6	Theo quy định hàng năm của Khoa	
		- <u>Lựa chọn 2</u> : Tích lũy hai học phần với tổng thời lượng 6 tín chỉ từ các học phần tự chọn dưới đây:			
83	PSYC1130	Các vấn đề tâm lý hiện đại	3		PSYC1401
84	PSYC1131	Tâm lý học trước tuổi học	3		PSYC1096
85	PSYC1054	Tâm lý học học sinh trung học	3		PSYC1097
86	PSYC1485	Tâm lý học người trưởng thành trẻ tuổi	3		PSYC1098
5. TỰ CHỌN TỰ DO			4*		
Tổng cộng			130		

****Không tính vào tổng số tín chỉ toàn khóa học**

*** và ** Không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và toàn khóa học**

Các học phần tự chọn tự do: sinh viên chọn học thêm 4 tín chỉ từ các học phần chưa học trong bất kì chương trình đào tạo nào của Trường ĐHSP TP.HCM. Các học phần tự chọn tự do được tính vào tổng số tín chỉ toàn khóa học nhưng không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và toàn khóa học.

Ngoài các học phần tự chọn tự do được coi là học phần điều kiện và tính vào tổng số tín chỉ toàn khóa học như trên, sinh viên có thể tự nguyện đăng kí và đóng học phí học bất kì học phần nào chưa học trong các chương trình đào tạo của Trường. Trường sẽ cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học cho các học phần được học thêm đó.

3. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Đơn vị quản lý chương trình
1	POLI1001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5		Không	Không	K.GDCT
	TTTH1001	Tin học căn bản	3*		Không	Không	TT Tin học
	PSYC1487	Nhập môn nghề nghiệp	2		Không	Không	K. TLH
	PSYC1410	Xã hội học đại cương	2		Không	Không	K.TLH
	PSYC1409	Logic học đại cương	2		Không	Không	K.TLH
	PSYC1407	Sinh lý học hoạt động thần kinh	2		Không	Không	K. TLH
	PSYC1401	Nhập môn Tâm lý học	2		Không	Không	K.TLH
	MILI1102	Công tác quốc phòng, an ninh	2**		Không	Không	K.GDQP
		Ngoại ngữ học phần 1	4*		Trình độ ngoại ngữ bậc 2/6		Các khoa ngoại ngữ
	PHYL2401	Giáo dục thể chất 1	1**		Không	Không	K. GDTC
	Tổng cộng số tín chỉ HK1		19				
2	POLI1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			POLI1001	K.GDCT
	POLI1903	Pháp luật đại cương	2			POLI1001	K.GDCT
	PSYC1125	Kỹ năng giao tiếp - ứng xử	2		Không	Không	K.TLH
	PSYC1005	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			POLI1001	K. TLH
	PSYC1008	Thống kê trong khoa học xã hội	2		Không	Không	K.TLH
	MILI1103	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	3**		Không	Không	K. GDQP
		Giáo dục thể chất 2	1**			PHYL2401	K. GDTC
	PSYC1011	Tâm lý học nhận thức	2			PSYC1401	K. TLH
	PSYC1013	Tâm lý học giao tiếp	2			PSYC1401	K. TLH
		Tự chọn 1			X		
	Tổng cộng số tín chỉ HK2		14	Chưa kể tự chọn 1			

Học kì	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Đơn vị quản lí chương trình
3	POLI1002	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3			POLI1003	K. GDCT
		<i>Ngoại ngữ học phần 2</i>	3*			<i>Ngoại ngữ học phần 1</i>	<i>Các khoa ngoại ngữ</i>
		<i>Giáo dục thể chất 3</i>	1**			<i>GDTC 2</i>	<i>K. GDTC</i>
	PSYC1219	Tâm lý học sáng tạo	3			PSYC1401	K. TLH
	PSYC1096	Đại cương về Tâm lý học phát triển	2			PSYC1401	K. TLH
	PSYC1088	Tâm lý học trí tuệ	2			PSYC1011	K. TLH
	PSYC1043	Phương pháp luận Tâm lý học	2			PSYC1005	K. TLH
	PSYC1110	Ứng dụng CNTT trong nghiên cứu TLH	2			PSYC1008	K.TLH
		Tự chọn 2			X		K.TLH
		Tổng cộng số tín chỉ HK 3	17	Chưa kể tự chọn 2			
4		<i>Ngoại ngữ học phần 3</i>	3*			<i>Ngoại ngữ học phần 2</i>	<i>Các khoa ngoại ngữ</i>
	PSYC1480	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	2			PSYC1043	K. TLH
	PSYC1033	Tâm lý học tình cảm - ý chí	2			PSYC1401	K. TLH
	PSYC1012	Tâm lý học nhân cách	2			PSYC1401	K. TLH
	PSYC1018	Tâm lý học xã hội	2			PSYC1419	K. TLH
	PSYC1097	Tâm lý học phát triển 1	3			PSYC1096	K. TLH
	PSYC1015	Lịch sử Tâm lý học	2			PSYC1401	K.TLH
	MILI1101	Đường lối quân sự của Đảng	3**			<i>POLI1002</i>	<i>K. GDQP</i>
		Tự chọn 3			X		
	Tổng cộng số tín chỉ HK 4	16	Chưa kể tự chọn 3				
5	PSYC1098	Tâm lý học phát triển 2	3			PSYC1097	K. TLH
	PSYC1230	Tâm lý học lao động	3			PSYC1018	K. TLH
	PSYC1433	Tâm lý học dạy học	2			PSYC1011	K. TLH
	PSYC1105	Tâm lý học tham vấn	3			PSYC1097	K. TLH
	PSYC1031	Tâm lý học quản lý	2			PSYC1012	K. TLH
	PSYC1036	Tâm lý học gia đình	2		Không	Không	
	PSYC1481	Thực hành nghề nghiệp	2			PSYC1401	K. TLH
		Tự chọn 4			X		K.TLH
		Tổng cộng số tín chỉ HK 5	17	Chưa kể tự chọn 4			
6	PSYC1431	Tâm bệnh học	2			PSYC1097	K. TLH
	PSYC1436	Tâm lý học giáo dục đạo đức	2			PSYC1012	K. TLH
	PSYC1020	Trắc nghiệm tâm lý	2			PSYC1008	K. TLH
	PSYC1035	Tâm lý học giới tính	2		Không	Không	K. TLH
	PSYC1083	Tâm lý học pháp lý	2			PSYC1401	K. TLH
	PSYC1482	Thực tập nghề nghiệp 1	2		Theo quy chế thực tập của Trường		K. TLH
		Tự chọn 5			X		K.TLH
		Tự chọn 6			X		
	Tổng cộng số tín chỉ HK6	12	Chưa kể tự chọn 5, 6				

Học kì	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Đơn vị quản lí chương trình
7		Khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 học phần thay thế tốt nghiệp	6		Theo quy định hàng năm của Khoa		K. TLH
		Tự chọn 7		X			K.TLH
		Tự chọn 8		X			K.TLH
		Tự chọn 9		Tự do			K. TLH
		Tự chọn 10		Tự do			
		Cộng số tín chỉ HK7		6	Chưa kể tự chọn 7,8,9,10		
8	PSYC1483	Thực tập nghề nghiệp 2	6		Theo quy chế thực tập của Trường	PSYC1482	K.TLH
		Cộng số tín chỉ HK8		6			
Tổng cộng			130				

4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 5 tín chỉ

Học phần tiên quyết/ học trước: không

Nội dung học phần được ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2 tín chỉ

Học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin.

Nội dung học phần được ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam 3 tín chỉ

Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung học phần được ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Pháp luật đại cương 2 tín chỉ

Học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin

Nội dung môn học được ban hành theo quyết định số: 1928/QĐTTg, ngày 20/11/2009 về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

5. Ngoại ngữ - Học phần 1

4 tín chỉ

Điều kiện: Sinh viên đã đạt trình độ tương đương bậc 2/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các kiến thức văn hóa, xã hội nhằm giúp sinh viên phát triển năng lực giao tiếp cần thiết và có khả năng vận dụng vào xử lý các tình huống giao tiếp hàng ngày ở trình độ trên bậc 2/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

6. Ngoại ngữ - Học phần 2

3 tín chỉ

Học phần học trước: Ngoại ngữ - Học phần 1

Học phần này giúp sinh viên hệ thống hóa lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp, văn hóa, xã hội và phát triển năng lực giao tiếp để có khả năng vận dụng vào xử lý các tình huống giao tiếp thông thường hoặc đặc biệt ở trình độ cận bậc 3/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

7. Ngoại ngữ - Học phần 3

3 tín chỉ

Học phần tiên quyết / học trước: Ngoại ngữ - Học phần 2

Học phần này giúp sinh viên củng cố và bổ sung các kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, phát triển năng lực giao tiếp để có khả năng vận dụng tốt trong việc giải quyết các tình huống giao tiếp ở trình độ bậc 3/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

8. Tin học căn bản

3 tín chỉ

Học phần tiên quyết/ học trước: không

Giúp sinh viên có các kiến thức cơ bản về máy tính (personal computer - PC) và Internet, biết sử dụng và khai thác tài nguyên thông tin trên máy tính phục vụ cho học tập và nghiên cứu.

Giúp sinh viên có khả năng sử dụng một cách cơ bản các công cụ phần mềm văn phòng trong học tập và nghiên cứu, cụ thể là soạn thảo văn bản (như MS Word), bảng tính điện tử (như MS Excel), và thiết kế trình chiếu (như MS Power Point).

9. Giáo dục thể chất 1

1 tín chỉ

Học phần tiên quyết / học trước: Không.

Cung cấp kiến thức rèn luyện thể chất và tập luyện thể thao để giữ gìn sức khỏe. Bồi dưỡng kỹ năng vận động trong cuộc sống thông qua các bài tập thể dục phát triển chung, bài tập thể lực và các phương pháp tập luyện, tự tập luyện phát triển thể lực cá nhân (sức bền, sức mạnh, sức nhanh, khéo léo, độ dẻo).

10. Giáo dục thể chất 2

1 tín chỉ

(Thể thao tự chọn cơ bản. SV chọn 1 trong các môn TT sau: Bóng chuyền; Cầu lông; Aerobic; Bóng rổ; Bơi lội; Bóng đá; Đá cầu; Võ thuật; Khiêu vũ)

Học phần học trước: Giáo dục thể chất 1

Tổ chức tập luyện các kỹ thuật cơ bản và cung cấp kiến thức của các môn thể thao tự chọn. Rèn luyện các bài tập thể lực chung nhằm nâng cao sức khỏe và bước đầu hướng dẫn tập luyện một số bài tập thể lực chuyên môn hỗ trợ cho môn thể thao mà SV đã lựa chọn tập luyện .

11. Giáo dục thể chất 3

1 tín chỉ

(Thể thao tự chọn nâng cao. SV chọn 1 trong các môn TT sau: Bóng chuyền; Cầu lông; Aerobic; Bóng rổ; Bơi lội; Bóng đá; Đá cầu; Võ thuật; Khiêu vũ)

Học phần học trước: Giáo dục thể chất 2

Tổ chức tập luyện các kỹ thuật nâng cao của môn thể thao tự chọn. Tăng khả năng phối hợp vận động, lượng vận động trong thể lực chung và thể lực chuyên môn thông qua các bài tập thể lực đa dạng, chuyên biệt. Bước đầu làm quen các hình thức và luật thi đấu của các môn thể thao mà SV đã lựa chọn tập luyện.

12. Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK

3 tín chỉ

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; Sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Tùng người trong chiến đấu tiên công và phòng ngự; Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)... Từ đó người học có khả năng vận dụng sáng tạo trong hoạt động dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự và thể thao quốc phòng.

13. Công tác quốc phòng, an ninh

2 tín chỉ

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và

tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc... Trên cơ sở đó giúp người học vận dụng để tham gia tích cực, tự giác và có trách nhiệm trong công tác quân sự, quốc phòng địa phương, bảo vệ Tổ quốc.

14. Đường lối quân sự của Đảng

3 tín chỉ

Học phần học trước: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam.... Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng để giải thích được các vấn đề về đường lối quân sự của Đảng.

15. Phương pháp nghiên cứu khoa học

2 tín chỉ

Học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học. Trên cơ sở này, người học vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học, vận dụng để viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết bài báo khoa học, tổ chức và triển khai nghiên cứu khoa học phù hợp với khả năng.

16. Nhập môn Tâm lý học

2 tín chỉ

Học phần tiên quyết/học trước: Không

Học phần giúp người học lĩnh hội được các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người, trình bày những quy luật nảy sinh hình thành, phát triển và biểu hiện các hiện tượng tâm lý con người. Trên cơ sở này, người học vận dụng để nhận diện, phân biệt được cũng như nắm được các cơ chế hoạt động của các hiện tượng tâm lý người.

17. Sinh lý học hoạt động thần kinh**2 tín chỉ***Học phần tiên quyết/học trước:* không

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức khoa học cơ bản về đặc điểm cấu tạo và các qui luật hoạt động chức năng của hệ thần kinh trung ương. Trên cơ sở này, người học vận dụng nhằm giải thích cơ chế sinh lý của các hiện tượng tâm lý.

18. Logic học đại cương**2 tín chỉ***Học phần tiên quyết/học trước:* không

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức về các hình thức tư duy, các quy luật và quy tắc của tư duy logic. Trên cơ sở này, người học vận dụng để rèn luyện các kỹ năng tư duy logic trong học tập và nghiên cứu khoa học.

19. Xã hội học đại cương**2 tín chỉ***Học phần tiên quyết/học trước:* không

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức về: lịch sử hình thành xã hội học, một số khái niệm cơ bản của xã hội học, một số phương pháp điều tra xã hội học và một số các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học. Trên cơ sở này, người học vận dụng chúng vào việc nghiên cứu, giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đặt ra.

20. Tâm lý học nhận thức**2 tín chỉ***Học phần tiên quyết/học trước:* Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức về hoạt động nhận thức của cá nhân; giới thiệu các quan điểm, các tiếp cận vấn đề nhận thức, các thành tựu hiện đại và cập nhật về nhận thức trong tâm lý học. Trên cơ sở này, người học vận dụng các tri thức tâm lý học về nhận thức vào việc nghiên cứu, trong dạy học và giáo dục học sinh.

21. Tâm lý học nhân cách**2 tín chỉ***Học phần tiên quyết/học trước:* Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức lý luận về nhân cách (khái niệm, đặc điểm, cấu trúc nhân cách, các thuộc tính phức hợp của nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách). Một số cách tiếp cận nhân cách theo những trường phái khác nhau. Trên cơ sở này, người học vận dụng nhằm có cách nhìn nhận khoa học về nhân cách, góp phần vào việc hình thành nhân cách cho con người.

22. Tâm lý học giao tiếp

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội những đặc trưng tâm lý trong các mối quan hệ, ứng xử của con người với nhau trong xã hội. Bao gồm các nguyên tắc, kỹ năng, mục đích, phương tiện,... ứng xử nói chung, sự tương tác giữa các chủ thể trong hoạt động sống cùng nhau trong xã hội. Trên cơ sở này, người học vận dụng nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp của bản thân, hiểu được tầm quan trọng và có cách nhìn nhận khoa học về giao tiếp góp phần phát huy tính tích cực cá nhân trong sự phát triển tâm lý.

23. Tâm lý học xã hội

2 tín chỉ

Học phần học trước: Xã hội học đại cương

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức về tâm lý của các nhóm người khác nhau, những hiện tượng tâm lý xã hội, các quy luật tương tác, ảnh hưởng qua lại đa dạng giữa người với người, giữa các nhóm người cùng với những yếu tố khách quan, chủ quan tạo nên sự đa dạng trong quan hệ. Trên cơ sở này, người học vận dụng để giải thích, phân tích các hiện tượng tâm lý của các nhóm xã hội.

24. Tâm lý học sáng tạo

3 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về lý luận của hoạt động sáng tạo ở con người, cơ chế tâm lý của hoạt động sáng tạo. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp những tri thức cụ thể về sự phát triển khả năng sáng tạo, tư duy sáng tạo. Trên cơ sở này, người học vận dụng Tâm lý học sáng tạo vào cuộc sống và trong công tác giáo dục, phát huy tính sáng tạo của bản thân, của người học, nâng cao hiệu quả công việc.

25. Tâm lý học lao động

3 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học xã hội

Học phần giúp người học lĩnh hội các quy trình của lao động sản xuất từ khâu đào tạo, huấn luyện, tuyển chọn, sử dụng con người, các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lao động, các mối quan hệ giữa nhân viên với nhau và giữa nhân viên và lãnh đạo. Trên cơ sở này, người học vận dụng vào quá trình lao động nhằm nâng cao năng suất làm việc của người lao động.

26. Tâm lý học quản lý

2 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học nhân cách

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong công tác quản lý, những kiến thức về tâm lý cá nhân, tâm lý tập thể và ý nghĩa của chúng trong công tác của nhà quản lý. Trên cơ sở này, người học vận dụng nhằm rèn luyện những phẩm chất cơ bản của nhà quản lý, giải thích những hiện tượng tâm lý điển hình của nhà quản lý.

27. Tâm lý học tình cảm - ý chí

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức lý luận về đời sống tình cảm và ý chí. Một số cách tiếp cận về tình cảm, ý chí theo những trường phái khác nhau. Trên cơ sở này, người học vận dụng nhằm có cách nhìn nhận khoa học về tình cảm và ý chí góp phần vào việc hình thành tình cảm và ý chí cho con người.

28. Tâm lý học giới tính

2 tín chỉ

Học phần tiên quyết: Không

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển tâm sinh lý giới tính qua các giai đoạn lứa tuổi, đồng thời giúp người học hiểu rõ sự khác biệt tâm lý giới tính giữa các cá nhân trên các bình diện sinh lý, đạo đức giới tính, thẩm mỹ giới tính, nhận thức, tình cảm, giao tiếp, ngôn ngữ, tình dục, tình yêu. Trên cơ sở đó người học biết cách vận dụng kiến thức đã học để giao tiếp - ứng xử phù hợp với giới tính, góp phần hình thành thái độ đúng đắn với những biểu hiện của đời sống giới tính, đảm bảo tính công bằng xã hội cho nam giới và nữ giới.

29. Tâm lý học gia đình

2 tín chỉ

Học phần tiên quyết: Không

Học phần giúp người học lĩnh hội những đặc điểm, những quy luật tâm lý của con người trong cuộc sống gia đình và trong các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Trên cơ sở này, người học vận dụng kiến thức để nghiên cứu khoa học, tham vấn tâm lý, giải quyết các vấn đề của gia đình và xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc.

30. Tâm lý học trí tuệ

2 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học nhận thức

Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức cơ bản về trí tuệ của con người. Trên cơ sở này, người học vận dụng các mô hình cấu trúc trí tuệ, các loại chỉ số đo

lượng trí thông minh vào quá trình dạy học, giáo dục và nghiên cứu con người nói chung và học sinh nói riêng, có khả năng nghiên cứu tiếp các lĩnh vực khác của tâm lý học và các khoa học có liên quan.

31. Đại cương về Tâm lý học phát triển

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội những quy luật - nguyên tắc chung của sự phát triển tâm lý theo lứa tuổi, cung cấp những kiến thức về những vấn đề cơ bản trong Tâm lý học phát triển, những nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu Tâm lý học lứa tuổi theo nguyên tắc hệ thống. Trên cơ sở này, người học vận dụng nhằm giải thích các vấn đề tâm lý theo lứa tuổi nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục và thực hiện nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lứa tuổi.

32. Tâm lý học phát triển 1

3 tín chỉ

Học phần học trước: Đại cương về Tâm lý học phát triển

Học phần giúp người học lĩnh hội những đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ từ tuổi sơ sinh, hài nhi, ấu nhi, đến tuổi mẫu giáo và tiểu học với những biểu hiện cụ thể về vận động, nhận thức - ngôn ngữ, tình cảm - nhân cách... Trên cơ sở này, người học vận dụng các đặc điểm tâm lý đã học nhằm giải thích các hiện tượng tâm lý của trẻ đồng thời biết cách giao tiếp và ứng xử phù hợp với trẻ sơ sinh, hài nhi, ấu nhi, tuổi mẫu giáo, tiểu học.

33. Tâm lý học phát triển 2

3 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học phát triển 1

Học phần giúp người học lĩnh hội những điều kiện phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý con người từ tuổi học sinh trung học đến tuổi trưởng thành, người cao tuổi với những biểu hiện cụ thể về nhận thức, tình cảm, ý chí, nhân cách, ngôn ngữ... Trên cơ sở này, người học vận dụng kiến thức đã học nhằm giải thích các hiện tượng tâm lý lứa tuổi đồng thời biết cách giao tiếp và ứng xử phù hợp với các đối tượng trong độ tuổi từ học sinh trung học đến tuổi trưởng thành, người cao tuổi.

34. Lịch sử Tâm lý học

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức về các trường phái tâm lý khác nhau từ cổ đại đến hiện đại, giúp người học có cách nhìn tổng quát quá trình phát triển ngành Tâm lý học, nhận ra những ưu nhược của từng quan điểm. Trên cơ sở này,

người học vận dụng để đánh giá nhận xét các trường phái tâm lý khác nhau theo quan điểm lịch sử và cơ sở tâm lý Tâm lý học hiện đại.

35. Trắc nghiệm tâm lý

2 tín chỉ

Học phần học trước: Thông kê trong KHXH

Học phần giúp người học lĩnh hội cách thức sử dụng, nguyên tắc và kỹ thuật soạn thảo dụng cụ đo lường và nghiên cứu trong Tâm lý học. Trên cơ sở này, người học vận dụng nhằm đánh giá các mặt tâm lý của khách thể, những chuyên viên tâm lý thu thập được thông tin cần thiết để hiểu rõ hơn về khách hàng của mình, các chuyên viên tâm lý có những kỹ thuật và phương pháp thích hợp đáp ứng các yêu cầu trong thực tiễn công tác.

36. Tâm lý học pháp lý

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội những vấn đề chung về tâm lý học pháp lý, một số hoạt động đặc trưng trong quá trình diễn ra hoạt động bảo vệ pháp luật, tâm lý trong các lĩnh vực chính của hoạt động pháp lý, các phẩm chất và năng lực cần thiết trong hoạt động pháp lý. Trên cơ sở này, người học vận dụng được kiến thức vào định hướng công việc trong pháp lý, xây dựng được các định hướng phương pháp trong pháp lý, thực hiện được các yêu cầu tâm lý vận dụng vào lĩnh vực pháp lý.

37. Tâm lý học tham vấn

3 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học phát triển 1

Học phần giúp người học ứng dụng các thành tựu của Tâm lý học vào tiến trình giúp đỡ con người vượt qua những vấn đề khó khăn trải dài trong suốt cuộc đời của họ như tình cảm, nghề nghiệp, xã hội, giáo dục, sự phát triển cá nhân. Trên cơ sở hiểu được đặc trưng nghề tham vấn, những năng lực và phẩm chất cần thiết đối với nhà tham vấn tâm lý, người học có thể vận dụng được các học thuyết tham vấn tâm lý trong mô tả, nhận diện, phân tích và giải thích cơ chế của các quá trình tham vấn tâm lý.

38. Tâm bệnh học

2 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học phát triển 1

Học phần giúp người học lĩnh hội các kiến thức về một số rối loạn trong quá trình phát triển của con người, những tình trạng giới hạn, những rối loạn trong ứng xử và một số rối loạn nặng về tâm lý. Trên cơ sở này, người học vận dụng để bước đầu biết nhận diện và phân tích những rối nhiễu tâm lý của thân chủ ở mức độ cơ bản.

39. Tâm lý học dạy học

2 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học nhận thức

Học phần giúp người học lĩnh hội các cơ sở khoa học của hoạt động dạy học, cơ sở tâm lý của việc hình thành khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo cho học sinh cũng như phát triển trí tuệ cho học sinh. Trên cơ sở này, vận dụng các yếu tố tâm lý này vào quá trình hình thành khái niệm, kỹ năng và kỹ xảo cho học sinh trong dạy học một cách hiệu quả.

40. Tâm lý học giáo dục đạo đức

2 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học nhân cách

Học phần giúp người học lĩnh hội các cơ sở tâm lý của hoạt động giáo dục đạo đức như cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức cùng những tiêu chuẩn đánh giá một hành vi đạo đức. Trên cơ sở này, người học biết cách vận dụng những cơ sở tâm lý này nhằm đánh giá các hành vi đạo đức và hình thành các chuẩn mực đạo đức cho người học.

41. Tâm lý học chẩn đoán

2 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học phát triển 1

Học phần giúp người học lĩnh hội các kiến thức về những vấn đề cơ bản về khoa học chẩn đoán tâm lý, khái quát được lịch sử hình thành và phát triển của khoa học chẩn đoán, các phương pháp chẩn đoán tâm lý, cơ sở của việc sử dụng các trắc nghiệm tâm lý, ứng dụng của chẩn đoán tâm lý trong lịch sử, mô tả được các kiểu thang đo, các nguyên tắc thiết kế công cụ đo cũng như kỹ thuật thiết kế trắc nghiệm đa lựa chọn. Trên cơ sở này, người học vận dụng kiến thức để lựa chọn các trắc nghiệm có nội dung phù hợp, tiến hành chẩn đoán trí tuệ, nhân cách phục vụ cho công tác nghề nghiệp.

42. Tâm lý học tôn giáo

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức về vấn đề tôn giáo, cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý tôn giáo. Qua đó hình thành quan điểm khoa học về hiện tượng tâm lý tôn giáo. Trên cơ sở này, người học vận dụng tri thức tâm lý học tôn giáo vào việc phát huy và điều chỉnh thế giới tâm lý của con người, tổ chức quản lý con người, hướng vào lợi ích xã hội và nâng cao chất lượng sống cho con người.

43. Tâm lý học tội phạm

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức cơ bản về các khía cạnh tâm lý của những hiện tượng tâm lý nảy sinh trong quá trình hoạt động phạm tội của các tội phạm.

Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng những tri thức tâm lý cần thiết để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực hoạt động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh chống tội phạm một cách có hiệu quả.

44. Tâm lý học khách hàng

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội những đặc điểm tâm lý khách hàng và những cách thức giao tiếp tác động tới khách hàng. Trên cơ sở này, người học vận dụng nhằm đạt hiệu quả trong hoạt động có liên quan tới khách hàng.

45. Tâm lý học đám đông

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội các đặc điểm tâm lý và những quy luật tâm lý của nhóm và đám đông. Trên cơ sở này, người học vận dụng kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng nhóm và đám đông trong xã hội và điều khiển các hiện tượng đó một cách hiệu quả.

46. Tâm lý học hành vi lệch chuẩn

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về phương pháp tiếp cận lĩnh vực Tâm lý học hành vi lệch chuẩn nói chung và các phương pháp giúp nhận dạng cũng như các định hướng ban đầu trong việc điều chỉnh hành vi lệch chuẩn. Trên cơ sở này, người học vận dụng nhằm định hướng tìm hiểu và so sánh các chuẩn hành vi chính trong môi trường toàn cầu hóa hiện nay.

47. Kỹ năng tham vấn tâm lý cơ bản

3 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học tham vấn

Học phần giúp người học lĩnh hội tri thức về hệ thống các kỹ năng cơ bản của công tác tham vấn tâm lý và chú trọng rèn luyện kỹ năng tham vấn cho người học để định hướng ứng dụng trong công việc tham vấn. Trên cơ sở đó, người học hình thành năng lực quan sát, đóng vai, phân tích tình huống và hiệu quả của việc thực hành các kỹ năng tham vấn cơ bản; vận dụng các kỹ năng tham vấn cơ bản phù hợp để thực hành một tình huống tham vấn hiệu quả.

48. Tâm lý học trị liệu

3 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học tham vấn

Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức cơ bản về các phương pháp trị liệu tâm lý và ứng dụng các kiến thức và kỹ năng tâm lý học vào việc tiếp cận, quansát, giao tiếp và giúp đỡ cho những người gặp các vấn đề khó khăn về mặt tâm lý. Trên cơ sở này, người học hiểu được đặc trưng của công việc trị liệu tâm lý, những năng lực và phẩm chất cần thiết đối với người làm công việc trị liệu tâm lý; vận dụng được các học thuyết tham vấn và trị liệu tâm lý trong việc mô tả, nhận diện, phân tích và giải thích cơ chế của các quá trình trị liệu tâm lý; xây dựng được phác đồ trị liệu tâm lý cho thân chủ.

49. Giáo dục học đại cương

2 tín chỉ

Học phần học trước: Không

Học phần giúp người học lĩnh hội hệ thống tri thức và kỹ năng phân tích các vấn đề cơ bản về cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất, động lực và hệ thống phương pháp dạy học theo các quan điểm dạy học truyền thống và hiện đại. Đồng thời, học phần cũng nhằm phát triển cho người học khả năng phân tích các đặc điểm, bản chất và nguyên tắc giáo dục; kỹ năng vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục trong tổ chức hoạt động giáo dục nhằm phát triển phẩm chất nhân cách cho học sinh phổ thông.

50. Phương pháp giảng dạy Tâm lý học

3 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội hệ thống các phương pháp giảng dạy Tâm lý học, cách thức triển khai, ưu và nhược điểm của từng phương pháp, cách tổ chức hoạt động dạy học tích cực. Trên cơ sở này, người học vận dụng các phương pháp này vào công tác giảng dạy Tâm lý học và xây dựng được một số kỹ năng của việc giảng dạy Tâm lý học.

51. Giáo dục kỹ năng sống

2 tín chỉ

Học phần học trước: Hoạt động nhóm và kỹ năng truyền thông

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về kỹ năng sống và những biểu hiện, những kỹ năng sống cần thiết của con người. Trên cơ sở này, người học vận dụng để hình thành và phát triển kỹ năng sống cho học sinh cũng như cho những đối tượng khác trong cộng đồng.

52. Hoạt động nhóm và kỹ năng truyền thông

2 tín chỉ

Học phần tiên quyết: không

Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức, kỹ năng truyền thông và tổ chức hoạt động nhóm theo hướng phát huy tính tích cực chủ động của người học trong các chương trình giáo dục ngoài chính quy tại cộng đồng xã hội hoặc các hoạt động giáo dục ngoại khóa ở trường học. Trên cơ sở này, người học vận dụng để có thể thực hiện công tác báo cáo chuyên đề hoặc tham gia công tác tập huấn ở cộng đồng một cách hiệu quả.

53. Tâm lý học tuyên truyền

2 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học giao tiếp

Học phần giúp người học lĩnh hội một số hiểu biết cơ bản về hoạt động tuyên truyền, những hiện tượng tâm lý nảy sinh trong hoạt động tuyên truyền. Ngoài ra, những yếu tố về kỹ thuật tuyên truyền trong tương hợp tâm lý, các cơ chế tâm lý tác động trong tuyên truyền, các mô hình tâm lý của hoạt động tuyên truyền, nguyên tắc tâm lý trong tuyên truyền. Trên cơ sở này, người học vận dụng nhằm phân tích về bản chất cũng như những kỹ thuật tâm lý để tuyên truyền hiệu quả.

54. Tâm lý học quảng cáo

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức, kỹ năng cơ bản của công tác quảng cáo cũng như những cơ sở tâm lý, các kỹ thuật quảng cáo tác động đến tâm lý để ứng dụng quảng cáo một cách hiệu quả. Trên cơ sở này, người học vận dụng thực hiện ứng dụng mô hình quảng cáo, các nguyên tắc quảng cáo mang tính tương tác tâm lý phù hợp với chiến lược.

55. Tâm lý học dân tộc

2 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học nhân cách

Học phần giúp người học lĩnh hội những hiểu biết cơ bản về tiến trình phát triển và đặc trưng tâm lý của các dân tộc Việt Nam theo dân tộc, vùng miền, so sánh tâm lý dân tộc Việt Nam với tâm lý các dân tộc khác. Trên cơ sở này, người học vận dụng kiến thức để phân tích đặc điểm tâm lý dân tộc và biết cách giao tiếp ứng xử phù hợp với tâm lý con người theo từng dân tộc, vùng miền.

56. Tâm lý học du lịch

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về tâm lý và một số quy luật tâm lý trong hoạt động du lịch, hoạt động quản trị kinh doanh du lịch, một số kỹ năng cần thiết cho người tiếp cận lĩnh vực du lịch. Trên cơ sở này, người học vận dụng được kiến thức vào định hướng công việc quản trị du lịch, xây dựng được các chiến lược phù hợp tâm lý vào quản trị du lịch và tâm lý du khách, thực hiện được các yêu cầu tâm lý vận dụng vào quản trị du lịch và thiết kế chương trình du lịch.

57. Tâm lý học thể dục thể thao

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội các quy luật tâm lý của vận động viên và các cá nhân tập luyện thể dục thể thao thường xuyên cũng như làm việc trong lĩnh vực chuyên môn thể dục thể thao khác nhau, cơ sở tâm lý của huấn luyện thể thao, chuẩn bị tâm lý thi đấu cho vận động viên, nhân cách người huấn luyện viên, cơ sở tâm lý của việc lựa chọn nhân tài thể thao. Trên cơ sở này, người học vận dụng để tác động đến tâm lý vận động viên trong luyện tập và thi đấu, tiến hành giáo dục và huấn luyện vận động viên hay tổ chức tập luyện - quản lý hoạt động thể dục thể thao có hiệu quả hơn.

58. Quản trị nguồn nhân lực

2 tín chỉ

Học phần tiên quyết: không

Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức về hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc và tuyển dụng nhân lực, phân tích công việc và tuyển dụng nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên, trả công lao động và quan hệ lao động. Trên cơ sở này, người học vận dụng những kỹ năng cơ bản trong công tác quản trị nhân lực như: tuyển dụng, phân tích công việc, trả lương, đào tạo và bồi dưỡng nhân lực..., có cái nhìn tích cực trước sự biến động mạnh mẽ của môi trường doanh nghiệp - của các tổ chức trong nền kinh tế cạnh tranh để có những kiến thức và kỹ năng về quản trị con người.

59. Tâm lý học tổ chức

2 tín chỉ

Học phần học trước: Quản trị nguồn nhân lực

Học phần giúp người học lĩnh hội những đặc trưng tâm lý trong các tổ chức cũng như các mối quan hệ xã hội của con người trong tổ chức: bao gồm các mục đích, nguyên tắc, phương pháp, kỹ năng, phương tiện,... sử dụng trong quá trình tổ chức, sự

tương tác giữa các chủ thể trong hoạt động tổ chức. Trên cơ sở này, người học vận dụng xây dựng văn hóa trong tổ chức như một nội dung rất quan trọng trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay.

60. Tâm lý học nhân sự

2 tín chỉ

Học phần học trước: Quản trị nguồn nhân lực

Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức và kỹ năng trong hoạt động phân tích nghề nghiệp, kiến thức về tuyển chọn nhân viên, đánh giá thành tích, tập huấn và đánh giá thành tích - phát triển nguồn nhân lực cho công tác nhân sự. Trên cơ sở này, người học vận dụng được các kiến thức trong phân tích tâm lý nhân sự vào công tác tuyển dụng sao cho đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, xây dựng được quy trình và chiến lược trong công tác nhân sự, thực hiện được yêu cầu tuyển dụng theo nhu cầu.

61. Tâm lý học quản trị kinh doanh

2 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học quản lý

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về tâm lý trong các hoạt động cơ bản của nhà quản trị kinh doanh, các phẩm chất và kỹ năng của nhà quản trị kinh doanh, những cơ sở khoa học trong hoạt động kinh doanh dựa trên tâm lý và vận dụng tâm lý trong tổ chức sản xuất. Trên cơ sở này, người học vận dụng được kiến thức vào định hướng công việc quản trị kinh doanh, xây dựng được các chiến lược phù hợp tâm lý vào quản trị kinh doanh, thực hiện được các yêu cầu tâm lý vận dụng vào quản trị kinh doanh.

62. Tâm lý học tiếp thị (marketing)

2 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học quản trị kinh doanh

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức về nhu cầu khách hàng và hành vi tiêu dùng dưới góc độ marketing, cơ sở tâm lý trong xác định chiến lược sản phẩm, một số vấn đề tâm lý khách hàng cần lưu ý khi áp dụng các hình thức marketing. Trên cơ sở này, người học vận dụng được kiến thức đó vào thiết kế những hoạt động phù hợp với nhu cầu của khách hàng và phân tích được các yếu tố tâm lý quyết định đến sự thành công trong marketing.

63. Tâm lý học đào tạo trong doanh nghiệp

2 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học dạy học

Học phần giúp người học lĩnh hội được những tri thức tâm lý căn bản của việc đào tạo, giới thiệu những cơ sở tâm lý của công tác huấn luyện trong doanh nghiệp, giải

thích các khái niệm quan trọng trong đào tạo như chiến lược đào tạo, thành phần nhân cách của người làm công tác huấn luyện. Trên cơ sở này, người học vận dụng nhằm xây dựng mục đích và nội dung huấn luyện, tổ chức và triển khai hoạt động đào tạo tại doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả đào tạo, vận dụng cơ sở tâm lý giải thích các tình huống nảy sinh trong công tác huấn luyện.

64. Tâm lý học tư vấn trong doanh nghiệp

2 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học tham vấn

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức về tư vấn tâm lý và các mục tiêu tư vấn trong doanh nghiệp, các phẩm chất và kỹ năng cần có cho một tư vấn viên trong lĩnh vực tư vấn doanh nghiệp. Trên cơ sở này, người học vận dụng các kiến thức nhằm tư vấn cho các vấn đề tại doanh nghiệp, tư vấn giải quyết các vấn đề của các doanh nghiệp,

65. Hoạt động chăm sóc tinh thần cho người lao động

2 tín chỉ

Học phần học trước: Tâm lý học lao động

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức về vấn đề sức khỏe tinh thần trong doanh nghiệp và hoạt động chăm sóc tinh thần trong doanh nghiệp, những khó khăn trong vấn đề sức khỏe của người lao động hiện nay, các hình thức chăm sóc tinh thần người lao động, kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc tinh thần cho người lao động. Trên cơ sở này, người học vận dụng để xây dựng kế hoạch chăm sóc định kỳ, thường xuyên, theo đợt với những hình thức khác nhau cho người lao động, xây dựng được các ý tưởng nhằm kích thích tinh thần làm việc cho người lao động.

66. Tâm lý học nghệ thuật

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức về phương pháp và nguyên tắc của việc xem xét nghệ thuật từ góc độ tâm lý, chỉ ra được tầm quan trọng của nó bên cạnh những cách xem xét khác, phân tích phản ứng thẩm mỹ, sự sáng tạo nghệ thuật và mối quan hệ giữa nghệ thuật với cuộc sống. Trên cơ sở này, người học vận dụng để bước đầu hình thành kỹ năng phân tích, nhận xét, đánh giá, lý giải các phản ứng thẩm mỹ trong một số môn nghệ thuật cụ thể, có khả năng tiếp cận nghiên cứu và ứng dụng các kiến thức về tâm lý nghệ thuật trong đời sống và giáo dục.

67. Trò chơi và sinh hoạt tập thể

2 tín chỉ

Học phần tiên quyết: không

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức về phương pháp hướng dẫn trò chơi và sinh hoạt tập thể, quy trình tổ chức trò chơi và sinh hoạt tập thể, các kỹ năng cần có để tổ chức trò chơi và sinh hoạt tập thể, biên soạn và phát triển các trò chơi tập thể trong công tác xã hội và hoạt động truyền thông cũng như các lĩnh vực khác. Trên cơ sở này, người học vận dụng được những kỹ thuật để tổ chức các trò chơi và sinh hoạt tập thể hỗ trợ trong nghề nghiệp.

68. Giới và phát triển

2 tín chỉ

Học phần tiên quyết: không

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức về vấn đề giới và phát triển giới dưới góc nhìn xã hội cũng như mối quan hệ giữa giới và phát triển giới, vai trò của giới, nhu cầu và lợi ích của giới, bình đẳng giới. Trên cơ sở này, người học vận dụng kiến thức đã học để định hướng hoạt động khi nghiên cứu và ứng dụng những kiến thức về giới và phát triển giới trong sự phát triển xã hội, phát triển con người.

69. Tâm lý y học

2 tín chỉ

Học phần học trước: Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội một số vấn đề chung về tâm lý ý học, những quy luật cơ bản về tâm lý người bệnh, tâm lý thầy thuốc và nhân viên y tế, tâm lý giao tiếp, không khí tâm lý trong các cơ sở điều trị; học thuyết về tác động tương hỗ giữa tâm lý và thực thể; tác động tâm lý của các yếu tố môi trường tự nhiên, xã hội... đối với bệnh; ý đức và phẩm chất đạo đức của thầy thuốc và nhân viên y tế; nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý trong lâm sàng. Trên cơ sở này, người học vận dụng kiến thức đó để định hướng hoạt động khi nghiên cứu vai trò của các yếu tố tâm lý trong dự phòng, bảo vệ và nâng cao sức khỏe và ứng dụng trong nghề nghiệp.

70. Nhập môn nghề nghiệp

2 tín chỉ

Học phần tiên quyết/ học trước: Không

Học phần giúp người học lĩnh hội những hiểu biết nhất định về sự phát triển của các chuyên ngành Tâm lý học cũng như hướng ứng dụng của chúng trong thực tiễn. Ngoài ra, học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức về đạo đức, nguyên tắc làm việc, những phẩm chất và năng lực cần có của chuyên viên tâm lý. Trên cơ sở này, người học

vận dụng kiến thức đã học để xác định định hướng nghề nghiệp của bản thân và tích cực rèn luyện phẩm chất, năng lực bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

71. Ứng dụng CNTT trong nghiên cứu Tâm lý học

2 tín chỉ

Học phần học trước: Thống kê trong khoa học xã hội

Học phần giúp người học lĩnh hội những khái niệm căn bản của phần mềm toán thống kê, những kiến thức lý thuyết và ứng dụng trong thống kê hiện đại dùng để nghiên cứu thuộc tâm lý hay xã hội. Trên cơ sở này, người học vận dụng để thiết kế nhiệm vụ xử lý khi có nhu cầu phân tích dữ kiện, áp dụng các số thống kê theo yêu cầu xử lý số liệu NCKH, người học có kỹ năng mã hóa dữ kiện và sử dụng tên biến phù hợp, biết nhập số liệu hoặc chuyển đổi từ các số liệu đã có, lưu trữ số liệu và sử dụng tương đối thành thạo các lệnh căn bản của phần mềm SPSS khi phân tích dữ kiện.

72. Kỹ năng giao tiếp - ứng xử

2 tín chỉ

Học phần tiên quyết/học trước: Không

Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức về phương pháp tiếp cận con người trong giao tiếp và ứng xử, phương pháp tiếp cận tình huống giao tiếp - ứng xử, phương pháp tiếp cận phương án giao tiếp - ứng xử, phương pháp đánh giá kết quả giao tiếp - ứng xử và một số kỹ năng hỗ trợ cho hoạt động giao tiếp - ứng xử. Trên cơ sở này, người học vận dụng các kiến thức đó giải quyết các tình huống giao tiếp - ứng xử trong cuộc sống, hình thành năng lực giao tiếp ứng xử cho người học.

73. Phương pháp luận Tâm lý học

2 tín chỉ

Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về cách thức tiếp cận Tâm lý học, nguyên tắc về phương pháp luận của việc nghiên cứu Tâm lý học, nghiên cứu Tâm lý học theo quan điểm ứng dụng, những kiến thức mang tính hệ thống về các phạm trù cơ bản trong Tâm lý học như: phạm trù phản ánh, phạm trù hoạt động, giao tiếp, yếu tố tự nhiên và yếu tố xã hội trong tâm lý người... Trên cơ sở này, người học vận dụng được những yêu cầu của việc tiếp cận một vấn đề tâm lý sao cho khoa học và hiệu quả, bước đầu hình thành năng lực nghiên cứu các vấn đề tâm lý học.

74. Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học

2 tín chỉ

Học phần học trước: Phương pháp luận Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức cơ bản về nguyên tắc phương pháp luận của việc nghiên cứu tâm lý học, cách tiếp cận để nghiên cứu một đề tài Tâm lý học,

các kỹ thuật xây dựng lý luận, các kỹ thuật thiết kế công cụ nghiên cứu, kỹ thuật nghiên cứu định lượng và định tính, cách trình bày một công trình nghiên cứu Tâm lý học. Trên cơ sở này, vận dụng những kiến thức đó để tiến hành nghiên cứu một đề tài Tâm lý học theo nguyên tắc hệ thống, kết hợp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính với các phương pháp nghiên cứu cụ thể sao cho khoa học và hiệu quả.

75. Thống kê trong khoa học xã hội

2 tín chỉ

Học phần tiên quyết / học trước: không

Học phần giúp người học lĩnh hội những khái niệm căn bản của toán thống kê, những kiến thức lý thuyết và ứng dụng trong thống kê hiện đại dùng để mô tả các dữ kiện định tính, định lượng, giải thích, suy diễn, đồ i chiếu các kết quả thu được trong một cuộc nghiên cứu thuộc khoa học giáo dục, tâm lý hay xã hội. Trên cơ sở này, người học có thể vận dụng tiếp cận phân thống kê nâng cao hoặc đọc hiểu các kết quả nghiên cứu công bố trên báo, tạp chí, các hội thảo khoa học...

76. Thực hành nghề nghiệp

2 tín chỉ

Điều kiện: Đã học xong học phần Tâm lý học nhân cách

Học phần giúp người học củng cố và mở rộng hệ thống tri thức Tâm lý học đã học. Tăng cường, mở rộng hiểu biết về xã hội, hình thành những kỹ năng vận dụng tri thức đã học vào thực tế để định hướng và làm quen với môi trường nghề nghiệp.

77. Thực tập nghề nghiệp 1

2 tín chỉ

Học phần tiên quyết/học trước: Không

Điều kiện tiên quyết: Theo quy chế thực tập của Trường

Học phần giúp người học củng cố, khắc sâu, mở rộng hệ thống tri thức Tâm lý học đã học. Tăng cường, mở rộng hiểu biết về xã hội, hình thành những kỹ năng vận dụng tri thức đã học vào thực tế, kỹ năng giao tiếp, tổ chức, hợp tác... Ngoài ra, học phần còn góp phần xây dựng ý thức, tình cảm tích cực và các kỹ năng thực hành đối với nghề nghiệp, bản lĩnh của người làm công tác tâm lý theo định hướng chuyên sâu.

78. Thực tập nghề nghiệp 2

6 tín chỉ

Học phần tiên quyết/học trước: Thực tập nghề nghiệp 1

Điều kiện tiên quyết: Theo quy chế thực tập của Trường

Học phần giúp người học vận dụng hệ thống tri thức Tâm lý học đã học vào thực tiễn, giúp người học củng cố, khắc sâu, mở rộng hệ thống tri thức và những hiểu biết về xã hội. Học phần cũng tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện những kỹ năng thực

hành đối với nghề nghiệp, hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực của chuyên viên tâm lý.

Học phần được tổ chức theo kế hoạch chung về thực tập của nhà trường hàng năm tại các cơ sở thực tập do Bộ môn và Khoa đề nghị.

79. Kỹ năng quản lý thời gian và giải quyết vấn đề **2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết / học trước: Không

Học phần giúp người học lĩnh hội các mô hình quản lý thời gian và các mô hình giải quyết vấn đề hiệu quả như: tứ đồ thời gian, mô hình PHA, mô hình KANPAN, mô hình năm bước xử lý vấn đề... Trên cơ sở này, giúp người học vận dụng vào thực tiễn công tác nhằm sử dụng thời gian một cách hiệu quả, sắp xếp công việc khoa học và có kỹ năng xử lý các vấn đề, tháo gỡ các bế tắc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp.

80. Kỹ năng quản lý cảm xúc và giải quyết mâu thuẫn hiệu quả **2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết / học trước: Không

Học phần giúp người học lĩnh hội các kỹ thuật quản lý cảm xúc và tiết chế sự biểu hiện cảm xúc sao cho phù hợp trong quá trình làm việc; mô hình các bước xử lý mâu thuẫn hiệu quả và các kỹ thuật thực hiện tương ứng. Trên cơ sở này, người học vận dụng để quản lý cảm xúc của bản thân trong những mối quan hệ và các tình huống giao tiếp khác nhau phù hợp, giải quyết hiệu quả những mâu thuẫn có thể xảy ra với các đối tượng có liên quan trong quá trình công tác.

81. Kỹ năng tư duy sáng tạo **2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết / học trước: Không

Học phần giúp người học lĩnh hội cách tìm kiếm cảm hứng sáng tạo trong dạy học, giáo dục, các thủ thuật sáng tạo: ý tưởng môi, lật ngược vấn đề, vách ngăn tư duy, công não tổng lực, chắp ghép ngẫu nhiên; cách thức thoát khỏi những khuôn mẫu lối mòn của tư duy, khắc phục tính ỳ tâm lý;... Trên cơ sở này, người học vận dụng để không ngừng sáng tạo trong quá trình làm việc.

82. Khóa luận tốt nghiệp **6 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: Không

Điều kiện tiên quyết: Theo quy định hàng năm của Khoa

83. Các vấn đề tâm lý hiện đại**3 tín chỉ****Học phần học trước:** Nhập môn Tâm lý học

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức hiện đại về các vấn đề tâm lý của cá nhân và tổ chức trong cuộc sống hiện nay, những kỹ năng để tiếp cận các biểu hiện hay các xu hướng hiện đại về tâm lý cá nhân và nhóm đang diễn ra một cách liên tục. Trên cơ sở này, người học vận dụng các kiến thức trên trong công tác tham vấn, trị liệu tâm lý.

84. Tâm lý học trước tuổi học**3 tín chỉ****Học phần học trước:** Đại cương về Tâm lý học phát triển

Học phần giúp người học lĩnh hội những điều kiện phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý của trẻ em từ 0 đến 6 tuổi bao gồm: các quá trình nhận thức, hoạt động chủ đạo và các hoạt động khác của lứa tuổi cũng như những đặc điểm của sự phát triển nhân cách trong độ tuổi và vận dụng những kiến thức đó để giáo dục trẻ em từng độ tuổi sao cho thích hợp và hiệu quả.

85. Tâm lý học học sinh trung học**3 tín chỉ****Học phần học trước:** TLH phát triển 1

Học phần giúp người học lĩnh hội những điều kiện phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý trong độ tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông về nhận thức, tình cảm, ý chí, ngôn ngữ, nhân cách... Trên cơ sở này, vận dụng những kiến thức đó để giao tiếp - ứng xử và giáo dục học sinh trung học sao cho thích hợp và hiệu quả.

86. Tâm lý học người trưởng thành trẻ tuổi**3 tín chỉ****Học phần học trước:** Tâm lý học phát triển 2

Học phần giúp người học lĩnh hội những điều kiện phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý của người trưởng thành trẻ tuổi về các mặt nhận thức, tình cảm, ý chí, nhân cách, ngôn ngữ... Trên cơ sở này, vận dụng những kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng tâm lý và xử lý các tình huống tâm lý ở người trưởng thành trẻ tuổi cũng như biết cách giao tiếp, ứng xử với họ một cách thích hợp và hiệu quả.

5. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
1	POLI1001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	K.GDCT		X	
2	POLI1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	K.GDCT		X	
3	POLI1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	K.GDCT		X	
4	POLI1903	Pháp luật đại cương	2	K. GDCT		X	
5		Ngoại ngữ học phần 1	4*	Các khoa ngoại ngữ		X	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
6		Ngoại ngữ học phần 2	3*	Các khoa ngoại ngữ		X	
7		Ngoại ngữ học phần 3	3*	Các khoa ngoại ngữ		X	
8	THSP1001	Tin học căn bản	3*	Trung tâm Tin học		X	
9	PHYL2401	Giáo dục thể chất 1	1**	K. GDTC		X	
10		Giáo dục thể chất 2	1**	K. GDTC		X	
11		Giáo dục thể chất 3	1**	K. GDTC		X	
12	MILI1101	Đường lối quân sự của Đảng	3**	K. GDQP		X	
13	MILI1102	Công tác quốc phòng, an ninh	2**	K. GDQP		X	
14	MILI1103	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	3**	K. GDQP		x	
15	PSYC1005	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	TS.GV. Lê Văn Thiện TS.GV Huỳnh Mai Trang	Toán TLH	X X	
16	PSYC1401	Nhập môn Tâm lý học	2	ThS. Nguyễn Thị Diễm My ThS.GV. Kiều Thị Thanh Trà	TLH TLH	X X	
17	PSYC1407	Sinh lý học hoạt động thần kinh	2	Thinh giảng	K. Sinh K.GDĐB	X X	
18	PSYC1409	Logic học đại cương	2	TS.GV. Lê Văn Thiện TS.GVC. Nguyễn Thị Bích Hồng	Toán TLH	X X	
19	PSYC1410	Xã hội học đại cương	2	BM TLHUD	K.TLH	X	
20	PSYC1011	Tâm lý học nhận thức	2	PGS.TS.GVCC. Trần T Thu Mai ThS.GV. Trần Chí Vĩnh Long	TLH TLH	X X	
21	PSYC1012	Tâm lý học nhân cách	2	ThS.GV. Kiều Thị Thanh Trà ThS.GV. Nguyễn Thị Uyên Thy	TLH TLH	X X	
22	PSYC1013	Tâm lý học giao tiếp	2	PGS.TS.GVCC. Huỳnh Văn Sơn ThS.GV. Mai Mỹ Hạnh	TLH TLH	X X	
23	PSYC1018	Tâm lý học xã hội	2	ThS.GV. Nguyễn Thị Diễm My TS.GV. Nguyễn H. Khắc Hiếu	TLH TLH	X X	
24	PSYC1019	Tâm lý học sáng tạo	3	ThS.GV. Đinh Quỳnh Châu PGS.TS.GVCC. Huỳnh Văn Sơn	TLH TLH	X X	
25	PSYC1030	Tâm lý học lao động	3	PGS.TS.GVCC. Đoàn Văn Điều ThS.GV. Mai Mỹ Hạnh	TLH TLH	X X	
26	PSYC1031	Tâm lý học quản lý	2	PGS.TS.GVCC. Trần T Thu Mai ThS.GV. Chung Vĩnh Cao	TLH TLH	X X	
27	PSYC1033	Tâm lý học tình cảm - ý chí	2	ThS.GV. Nguyễn Thị Uyên Thy ThS.GV. Đinh Quỳnh Châu	TLH TLH	X X	
28	PSYC1035	Tâm lý học giới tính	2	TS.GV. Nguyễn Thị Tứ ThS.GV. Mai Mỹ Hạnh	TLH TLH	X X	
29	PSYC1036	Tâm lý học gia đình	2	ThS.GV. Đào Thị Duy Duyên TS.GV. Nguyễn Thị Tứ	TLH TLH	X X	
30	PSYC1088	Tâm lý học trí tuệ	2	PGS.TS.GVCC. Trần T Thu Mai PGS.TS.GVCC. Huỳnh Văn Sơn	TLH TLH	X X	
31	PSYC1096	Đại cương về Tâm lý học phát triển	2	PGS. TS.GVC. Huỳnh Văn Sơn ThS.NCS. GV Đỗ Tất Thiên	TLH TLH	X X	
32	PSYC1097	Tâm lý học phát triển 1	3	ThS.GV. Chung Vĩnh Cao ThS. Mai Mỹ Hạnh	TLH TLH	X X	
33	PSYC1098	Tâm lý học phát triển 2	3	TS.GV. Nguyễn Thị Tứ NCS.GV. Lê Duy Hùng	TLH TLH	X X	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
34	PSYC1015	Lịch sử Tâm lý học	2	ThS.GV. Kiều Thị Thanh Trà ThS.GV. Nguyễn Thị Uyên Thy	TLH TLH	X X	
35	PSYC1020	Trắc nghiệm tâm lý	2	PGS.TS.GVCC. Đoàn Văn Điều ThS.GV. Kiều Thị Thanh Trà	TLH TLH	X X	
36	PSYC1083	Tâm lý học pháp lý	2	ThS.GV. Chung Vĩnh Cao TS.GV. Nguyễn Thị Tứ	TLH TLH	X X	
37	PSYC1105	Tâm lý học tham vấn	3	TS.GV. Võ Thị Tường Vy TS.GV. Huỳnh Mai Trang	TLH TLH	X X	
38	PSYC1431	Tâm bệnh học	3	TS.GV. Huỳnh Mai Trang ThS.GV. Đinh Thảo Quyên	TLH TLH	X X	
39	PSYC1433	Tâm lý học dạy học	2	ThS.GV. Nguyễn Thị Diễm My TS.GV. Nguyễn Thị Tứ	TLH TLH	X X	
40	PSYC1436	Tâm lý học giáo dục đạo đức	2	ThS.GV. Đinh Quỳnh Châu TS.GV. Nguyễn Thị Tứ	TLH TLH	X X	
41	PSYC1437	Tâm lý học chẩn đoán	2	TS.GV. Huỳnh Mai Trang TS.GV. Võ Thị Tường Vy	TLH TLH	X X	
42	PSYC1108	Tâm lý học tôn giáo	2	ThS.GV. Ngô Minh Duy ThS.GV. Nguyễn Ngọc Duy	TLH TLH		X X
43	PSYC1443	Tâm lý học tội phạm	2	ThS.GV. Nguyễn T Thanh Vân ThS.GV. Lê Văn Bích	TLH TLH		X X
44	PSYC1121	Tâm lý học khách hàng	2	ThS.GV. Trần Chí Vĩnh Long ThS.GV. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	TLH TLH	X	X
45	PSYC1122	Tâm lý học đám đông	2	ThS.GV. Nguyễn Thị Diễm My TS.GV. Nguyễn H. Khắc Hiếu	TLH TLH	X X	
46	PSYC1107	Tâm lý học hành vi lệch chuẩn	2	ThS.GV. Đinh Thảo Quyên TS.GV. Bùi Hồng Quân	TLH TLH	X	X
47	PSYC1423	Kỹ năng tham vấn tâm lý cơ bản	3	TS.GV. Võ Thị Tường Vy TS.GV. Huỳnh Mai Trang	TLH TLH	X X	
48	PSYC1445	Tâm lý học trị liệu	3	TS.GV. Võ Thị Tường Vy ThS.GV. Nguyễn Thị Uyên Thy	TLH TLH	X X	
49	PSYC1412	Giáo dục học đại cương	2	TS.GVC. Võ Văn Nam TS.GVC. Nguyễn Thị Bích Hồng	GDH GDH	X X	
50	PSYC1464	Phương pháp giảng dạy Tâm lý học	3	ThS.GV. Kiều Thị Thanh Trà ThS.GV. Đinh Quỳnh Châu	TLH TLH	X X	
51	PSYC1047	Giáo dục kỹ năng sống	2	TS.GVC. Nguyễn Thị Bích Hồng PGS.TS.GVCC. Huỳnh Văn Sơn	TLH TLH	X X	
52	PSYC1057	Hoạt động nhóm và kỹ năng truyền thông	2	ThS.GV. Đinh Thảo Quyên TS.GVC. Nguyễn Thị Bích Hồng	TLH TLH	X X	
53	PSYC1118	Tâm lý học tuyên truyền	2	PGS.TS.GVCC. Huỳnh Văn Sơn TS.GV. Nguyễn Thị Tứ	TLH TLH	X X	
54	PSYC1119	Tâm lý học quảng cáo	2	ThS.GV. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh ThS.GV. Phan Trịnh H. Dạ Thy	TLH TLH		X X
55	PSYC1460	Tâm lý học dân tộc	2	TS.GV. Huỳnh Văn Chấn ThS.GV. Nguyễn Thị Thoa	TLH TLH		X X
56	PSYC1044	Tâm lý học du lịch	2	TS.GV. Nguyễn Văn Phương ThS.GV. Chung Vĩnh Cao	TLH TLH	X	X
57	PSYC1109	Tâm lý học thể dục thể thao	2	TS.GV. Phạm Minh Quyền ThS.GV. Minh Thị Lâm	TLH TLH		X X

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
58	PSYC1466	Quản trị nguồn nhân lực	2	TS.GV. Nguyễn Minh Anh TS.GV. Mai Hiền Lê	TLH TLH		X X
59	PSYC1112	Tâm lý học tổ chức	2	TS.GV. Đinh Phương Duy TS.GV. Nguyễn Văn Phương	TLH TLH		X X
60	PSYC1113	Tâm lý học nhân sự	2	TS.GV. Lê Thị Linh Trang TS.GV. Nguyễn N. Quỳnh Dao	TLH TLH		X X
61	PSYC1034	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2	ThS.GV. Chung Vĩnh Cao ThS.GV. Trần Chí Vĩnh Long	TLH TLH	X X	
62	PSYC1472	Tâm lý học tiếp thị (marketing)	2	ThS.GV. Trần Chí Vĩnh Long ThS.GV. Chung Vĩnh Cao	TLH TLH	X X	
63	PSYC1115	Tâm lý học đào tạo trong doanh nghiệp	2	ThS.GV. Nguyễn Thị Tâm ThS.GV. Nguyễn Thị N. Giàu	TLH TLH		X
64	PSYC1116	Tâm lý học tư vấn trong doanh nghiệp	2	TS.GV. Nguyễn Minh Anh TS.GV. Nguyễn N. Quỳnh Dao	TLH TLH		X X
65	PSYC1124	Hoạt động chăm sóc tinh thần cho người lao động	2	ThS.GV. Mai Mỹ Hạnh ThS.GV. Đào Lê Hòa An	TLH TLH	X	X
66	PSYC1120	Tâm lý học nghệ thuật	2	ThS.GV. Đinh Quỳnh Châu ThS.GV. Kiều Thị Thanh Trà	TLH TLH	X	X
67	PSYC1123	Trò chơi và sinh hoạt tập thể	2	TS.GV. Nguyễn Hữu Long ThS.GV. Mai Mỹ Hạnh	TLH TLH	X	X
68	PSYC1126	Giới và phát triển	2	ThS.GV. Mai Mỹ Hạnh TS.GV. Nguyễn Thị Tứ	TLH TLH	X X	
69	PSYC1476	Tâm lý y học	2	TS.GV. Lê Minh Thuận TS.GV. Nguyễn T Phương Thảo	TLH TLH		X X
70	PSYC1487	Nhập môn nghề nghiệp	2	PGS.TS.GVCC. Huỳnh Văn Sơn ThS.GV. Mai Mỹ Hạnh	TLH TLH	X X	
71	PSYC1110	Ứng dụng CNTT trong nghiên cứu Tâm lý học	2	TS.GV. Lê Văn Thiện ThS.GVC. Lý Minh Tiên	Toán TLH	X X	
72	PSYC1125	Kỹ năng giao tiếp - ứng xử	2	TS.GVC. Võ Văn Nam TS.GV. Võ Thị Tường Vy	TLH TLH	X X	
73	PSYC1043	Phương pháp luận tâm lý học	2	PGS.TS.GVCC. Đoàn Văn Điều PGS.TS.GVCC. Huỳnh Văn Sơn	TLH TLH	X X	
74	PSYC1480	Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học	2	PGS.TS.GVCC. Huỳnh Văn Sơn PGS.TS.GVCC. Đoàn Văn Điều	TLH TLH	X X	
75	PSYC1008	Thống kê trong khoa học xã hội	2	TS.GV. Lê Văn Thiện ThS.GVC. Lý Minh Tiên	Toán TLH	X X	
76	PSYC1481	Thực hành nghề nghiệp	2	ThS.NCS.GV. Đỗ Tất Thiên .NCS.GV. Lê Duy Hùng	TLH TLH	X X	
77	PSYC1482	Thực tập nghề nghiệp 1	2	.NCS.GV. Lê Duy Hùng ThS.NCS.GV. Đỗ Tất Thiên	TLH TLH	X X	
78	PSYC1483	Thực tập nghề nghiệp 2	6	.NCS.GV. Lê Duy Hùng ThS.NCS.GV. Đỗ Tất Thiên	TLH TLH	X X	
79	PSYC1493	Kỹ năng quản lý thời gian và giải quyết vấn đề	2	TS.GV. Nguyễn H Khắc Hiếu ThS.GV. Mai Mỹ Hạnh	TLH TLH	X X	
80	PSYC1494	Kỹ năng quản lý cảm xúc và giải quyết mâu thuẫn hiệu quả	2	TS.GV. Nguyễn H Khắc Hiếu TS.GV. Võ Thị Tường Vy	TLH TLH	X X	
81	PSYC1459	Kỹ năng tư duy sáng tạo	2	TS.GV. Nguyễn H Khắc Hiếu ThS.GV. Đinh Quỳnh Châu	TLH TLH	X X	
82	PSYC1132	Khóa luận tốt nghiệp	6				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
83	PSYC1130	Các vấn đề tâm lý hiện đại	3	ThS.GV. Mai Mỹ Hạnh PGS.TS.GVCC. Huỳnh Văn Sơn	TLH TLH	X X	
84	PSYC1131	Tâm lý học trước tuổi học	3	ThS.GV. Chung Vĩnh Cao ThS.GV. Mai Mỹ Hạnh	TLH TLH	X X	
85	PSYC1054	Tâm lý học học sinh trung học	3	PGS.TS.GVCC. Trần T Thu Mai ThS.GV. Nguyễn Thị Diễm My	TLH TLH	X X	
86	PSYC1485	Tâm lý học người trưởng thành trẻ tuổi	3	PGS.TS.GVCC. Trần T Thu Mai NCS.GV Lê Duy Hùng	TLH TLH	X X	

Đơn vị công tác: 1- Trong trường; 2- Ngoài trường.

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

– Phòng học lý thuyết: Phòng học của trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh đủ đáp ứng nhu cầu đào tạo chuyên ngành Tâm lý học.

– Phòng thí nghiệm, thực hành: Khoa Tâm lý học có phòng thực hành đa năng với đầy đủ phương tiện phục vụ cho đào tạo cử nhân Tâm lý học.

– Tài liệu, cơ sở dữ liệu:

+ Các học phần chung học theo giáo trình và tài liệu tham khảo đã có của trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

+ Các học phần chuyên môn, các học phần nghề nghiệp học theo giáo trình và tài liệu tham khảo đã có của Khoa Tâm lý học. Các giáo trình và tài liệu tham khảo trình bày ở đề cương chi tiết các học phần.

+ Hệ thống thư viện của trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh và các trường trong khu vực TP. Hồ Chí Minh có đủ điều kiện và tài liệu cần thiết phục vụ cho việc dạy học. Khoa Tâm lý học cũng có phòng tư liệu có thể cung cấp giáo trình, tài liệu tham khảo cho sinh viên.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Chương trình này là chương trình đào tạo theo tín chỉ. Vì vậy:

– Giảng viên phải tăng cường tổ chức và điều khiển các hoạt động của người học nhằm phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo của người học

– Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tích cực, chủ động, sáng tạo và tự giác trong tự học.

7.2. Chương trình này được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Vì vậy, việc thực hiện chương trình phải đảm bảo các yêu cầu:

– Định hướng về phương pháp giảng dạy:

+ Kết hợp nhiều phương pháp dạy học, tăng cường áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại

+ Gắn lí thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm, dự án...

+ Ngoài việc giúp người học hiểu các kiến thức lí thuyết, cần chú ý giúp người học vận dụng các kiến thức đó vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

– Định hướng về cách đánh giá kết quả đào tạo:

+ Việc kiểm tra đánh giá phải đảm bảo tính minh bạch, tính tin cậy và tính giá trị

+ Áp dụng nhiều đợt kiểm tra đánh giá: kiểm tra đánh giá thường xuyên, kiểm tra đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ

+ Kết hợp nhiều hình thức kiểm tra đánh giá cả truyền thống và hiện đại. Tăng cường hình thức kiểm tra đánh giá thực tế với yêu cầu người học phải vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 09 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

(Đã kí)

PGS.TS. Nguyễn Kim Hồng